ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG Số: 2087 /QĐ-UBND	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc *Hà Giang, ngày 08 tháng 10 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc khảo sát thu thập thông tin đánh giá năng lực điều hành về kinh tế của các sở, ban, ngành và địa phương (DDCI) tỉnh Hà Giang năm 2021

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2021;

Căn cứ Kế hoạch số 70/KH-UBND ngày 04 tháng 3 năm 2021 của UBND tỉnh về việc khảo sát, đánh giá năng lực điều hành của các sở, ban, ngành, các huyện/thành phố (DDCI) trên địa bàn tỉnh Hà Giang năm 2021;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 2123/SKHĐT – XTDDT ngày 30 tháng 9 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án khảo sát thu thập thông tin đánh giá năng lực điều hành về kinh tế của các sở, ban, ngành và địa phương (DDCI) tỉnh Hà Giang năm 2021 theo Phương án ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh, Cục Thống kê tỉnh và các sở, ban, ngành, các huyện/thành phố và đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện theo đúng phương án nêu trên và quy định hiện hành.

- Kinh phí thực hiện cuộc khảo sát do ngân sách tỉnh cấp và hỗ trợ của Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh để đảm bảo cho các hoạt động quy định trong Phương án này. Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện, quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí do ngân sách tỉnh cấp theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký, thay thế quyết định số 1813/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 của UBND tỉnh. Chánh Văn phòng UBND tỉnh. Thủ trưởng các sở, ban, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Cục trưởng Cục Thống kê; Chủ tịch Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh; Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh; Chủ tịch UBND huyện/thành phố và các sở, ban, ngành, cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành./.

Nơi nhận:
- Như điều 3 (T/h);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- T.trực các huyện Ủy/Thành ủy;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Vnptioffice;
- Lưu VT, CV (NCTH).

CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

Nguyễn Văn Sơn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN

Khảo sát thu thập thông tin đánh giá năng lực điều hành về kinh tế của các sở, ban, ngành và địa phương (DDCI) tỉnh Hà Giang năm 2021

(Kèm theo Quyết định số: 2087/QĐ-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Giang)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU KHẢO SÁT

1. Mục đích

- Đánh giá năng lực thực thi nhiệm vụ của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh nhằm tạo sự cạnh tranh, thi đua về chất lượng quản lý, điều hành giữa các sở, ban, ngành, huyện, thành phố để từ đó tạo động lực cải cách một cách quyết liệt, đồng bộ trong việc nâng cao chất lượng và hiệu quả chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo các sở, ngành và UBND các huyện/thành phố liên quan đến nhà đầu tư, doanh nghiệp; tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh trên các lĩnh vực.

- Tạo kênh thông tin tin cậy, công khai, minh bạch và phổ biến rộng rãi để nhà đầu tư, doanh nghiệp tham gia đóng góp ý kiến xây dựng chính quyền địa phương, các sở, ban, ngành và các huyện, thành phố.

- Cung cấp công cụ giúp Ủy ban nhân dân tỉnh đánh giá kết quả công tác của các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố. Đồng thời, giúp tỉnh nghiên cứu, đề xuất các giải pháp để nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) những năm tiếp theo, kịp thời chấn chỉnh, khắc phục những hạn chế, tồn tại theo từng lĩnh vực.

- Tạo sự lan tỏa truyền thông mạnh mẽ về DDCI của tỉnh Hà Giang như là điểm nhấn quan trọng trong nỗ lực triển khai cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh theo tinh thần Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ và quyết tâm nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh.

2. Yêu cầu

- Phương pháp xây dựng hệ thống chỉ số và tiêu chí đánh giá DDCI được lựa chọn tương tự các chỉ số của PCI, trên cơ sở áp dụng linh hoạt, phù hợp với thực tiễn và yêu cầu tại tỉnh Hà Giang, có sự tham vấn của các chuyên gia PCI, DDCI và cộng đồng doanh nghiệp trong quá trình xây dựng, triển khai thực hiện.

- Việc lấy ý kiến doanh nghiệp phải được thực hiện với nội dung, tiêu chí, đối tượng cụ thể, thiết thực về những vấn đề đang được nhà đầu tư, doanh nghiệp quan tâm khi thực hiện thủ tục hành chính; phản ánh khách quan tình hình hoạt động cũng như những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp, HTX và các hộ kinh doanh.

- Kết quả khảo sát được tổng hợp, phân tích, đánh giá một cách đầy đủ, khách quan, công khai, minh bạch; Là một trong những căn cứ để so sánh chất lượng, hiệu quả quản trị nhà nước để các sở, ngành, UBND các huyện/thành phố tiếp thu ý kiến đóng góp của các doanh nghiệp từ đó đề ra các giải pháp hiệu quả để tiếp tục phát huy những mặt đã làm được và nghiêm túc khắc phục những tồn tại, hạn chế nhằm nâng cao chất lượng điều hành của chính quyền các cấp.

- Kết quả khảo sát là một trong những tiêu chí để đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ, công tác thi đua khen thưởng hàng năm của người đứng đầu và cơ quan, đơn vị được đánh giá.

- Thực hiện khảo sát DDCI phải đúng quy định trong Phương án, việc sử dụng kinh phí phải đúng quy định, tiết kiệm và hiệu quả.

II. ĐỐI TƯỢNG, ĐƠN VỊ VÀ PHẠM VI KHẢO SÁT

1. Đối tượng

Đối tượng khảo sát DDCI bao gồm:

- Các doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và các Luật chuyên ngành; Các Hợp tác xã/liên hiệp hợp tác xã (gọi chung là hợp tác xã) hoạt động theo Luật Hợp tác xã hiện đang hoạt động trên địa bàn tỉnh.

- Các hộ sản xuất kinh doanh cá thể đang hoạt động trên địa bàn tỉnh.

Đối tượng khảo sát DDCI phải thỏa mãn 2 điều kiện sau:

(i) Có đăng ký kinh doanh;

(ii) Đang hoạt động sản xuất kinh doanh, có phát sinh doanh thu/chi phí và thuế.

2. Số lượng đơn vị và phạm vi khảo sát

- Đơn vị khảo sát trong cuộc khảo sát này là doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất kinh doanh cá thể đang hoạt động trên địa bàn tỉnh *(tổng số 300 doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể có trả lời phiếu, trong đó: 150 doanh nghiệp, 50 hợp tác xã và 150 hộ kinh doanh cá thể)*.

- Cuộc khảo sát DDCI được tiến hành trên địa bàn 11 huyện, thành phố của tỉnh Hà Giang.

III. THỜI KỲ ĐÁNH GIÁ, THỜI GIAN KHẢO SÁT

1. Thời kỳ đánh giá

Các chỉ tiêu trong cuộc khảo sát này có thời kỳ (tham chiếu) là 12 tháng trước thời điểm khảo sát (từ 01/10/2020 đến 30/9/2021).

2. Thời gian khảo sát

Cuộc khảo sát được tiến hành trong tháng 11/2021, thời gian thực hiện 30 ngày.

IV. NỘI DUNG KHẢO SÁT

1. Đối với các sở, ban, ngành (SBN), các chỉ số thành phần gồm:

(1) Đăng ký, cấp phép khi gia nhập thị trường;

(2) Chi phí thời gian thực hiện TTHC và tuân thủ pháp luật;

(3) Cạnh tranh bình đẳng và đối xử công bằng;

(4) Hiệu lực thực thi văn bản chính sách, thiết chế pháp lý và ANTT;

(5) Tính năng động của SBN và vai trò của người đứng đầu;

(6) Chi phí không chính thức;

(7) Tính minh bạch và tiếp cận thông tin;

(8) Hỗ trợ sản xuất, kinh doanh.

Thông tin khảo sát để tính DDCI và các chỉ số thành phần được thực hiện đối với 20 sở, ban, ngành gồm: (1) Văn phòng UBND tỉnh; (2) Sở Kế hoạch và Đầu tư; (3) Sở Xây dựng; (4) Sở Tài nguyên và Môi trường; (5) Sở Công thương; (6) Sở Giao thông Vận tải; (7) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; (8) Sở Tài chính; (9) Cục Thuế tỉnh; (10) BQL dự án ĐTXD công trình Nông nghiệp & Phát triển nông thôn; (11) BQL dự án ĐTXD công trình giao thông; (12) BQL dự án ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp; (13) BQL Khu kinh tế; (14) Sở Lao động, Thương binh và Xã hội; (15) Cục Hải quan tỉnh; (16) Công an tỉnh; (17) Sở Y tế; (18) Sở Giáo dục và Đào tạo; (19) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; (20) Cục Quản lý thị trường.

2. Đối với cấp huyện, thành phố (DDCI ĐP), các chỉ số thành phần gồm:

(1) Gia nhập thị trường và hoạt động cấp phép;

(2) Chi phí thời gian thực hiện TTHC và tuân thủ pháp luật;

(3) Hiệu lực thực thi văn bản chính sách, thiết chế pháp lý và ANTT;

(4) Tiếp cận đất đai, quy trình TTHC về đất đai;

(5) Cạnh tranh bình đẳng và đối xử công bằng;

(6) Tính năng động và hiệu lực của chính quyền địa phương;

(7) Chi phí không chính thức;

(8) Tính minh bạch và tiếp cận thông tin;

(9) Hỗ trợ sản xuất kinh doanh;

(10) Vai trò của người đứng đầu

V. PHIẾU KHẢO SÁT THU THẬP THÔNG TIN

Sử dụng 02 loại phiếu:

(1) Phiếu A: Áp dụng khảo sát thông tin đối với các sở, ban, ngành. Các doanh nghiệp, hợp tác xã đang hoạt động trên địa bàn tỉnh (được chọn mẫu) thực hiện kê khai phiếu A để đánh giá năng lực điều hành kinh tế của các sở, ban, ngành.

(2) Phiếu B: Áp dụng khảo sát thông tin đối với các huyện, thành phố. Doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ sản xuất kinh doanh cá thể (được chọn mẫu trên địa bàn huyện, thành phố) thực hiện kê khai phiếu B để đánh giá năng lực điều hành kinh tế của huyện, thành phố *(nơi doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ sản xuất kinh doanh cá thể có đăng ký hoặc hoạt động ở địa phương)*.

VI. PHƯƠNG PHÁP KHẢO SÁT THU THẬP THÔNG TIN

1. Loại khảo sát

Cuộc khảo sát được thực hiện đối với các doanh nghiệp, hợp tác xã đang hoạt động trên địa bàn tỉnh và đối với các hộ sản xuất kinh doanh cá thể đang hoạt động trên địa bàn từng huyện, thành phố.

Mẫu khảo sát được thiết kế và chọn theo các bước như sau:

Bước 1. Lập danh sách doanh nghiệp, HTX và hộ sản xuất kinh doanh cá thể

- Lập danh sách doanh nghiệp, hợp tác xã đang hoạt động chia theo huyện, thành phố.

- Lập danh sách hộ sản xuất kinh doanh cá thể chia theo huyện, thành phố và theo ngành nghề sản xuất kinh doanh.

Bước 2. Chọn doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ sản xuất kinh doanh cá thể

Thực hiện chọn mẫu ngẫu nhiên hệ thống đối với các doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ sản xuất kinh doanh cá thể theo từng ngành sản xuất kinh doanh của từng đơn vị hành chính cấp huyện, thành phố. Việc chọn mẫu các đơn vị để thu thập thông tin phải đảm bảo tính ngẫu nhiên, khách quan, khoa học và đại diện cho việc đánh giá các sở, ban, ngành, UBND các huyện/thành phố.

Việc thực hiện chọn mẫu do đơn vị tư vấn phối hợp với Hiệp Hội Doanh nghiệp tỉnh thực hiện.

2. Phương pháp khảo sát thu thập thông tin

Cuộc khảo sát được thực hiện bằng phương pháp trực tiếp tự kê khai bằng phiếu giấy. Doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ sản xuất kinh doanh cá thể được chọn mẫu thực hiện tự kê khai các nội dung trên phiếu khảo sát để nhận định, đánh giá khách quan của mình đối với các sở, ban, ngành, UBND các huyện/thành phố.

VII. PHƯƠNG PHÁP XỬ LÝ THÔNG TIN KHẢO SÁT

1. Phương pháp xử lý thông tin

Đơn vị tư vấn xây dựng và cung cấp phần mềm nhập tin phiếu khảo sát.

Hiệp Hội Doanh nghiệp tỉnh chủ trì, phối hợp với Cục Thống kê tỉnh nhập tin, kiểm tra theo phần mềm do đơn vị tư vấn xây dựng và cung cấp.

Dữ liệu sau khi được nhập tin (phiếu giấy) được chuyển cho đơn vị tư vấn xử lý, tổng hợp và báo cáo kết quả.

2. Tổng hợp và biểu đầu ra

Đơn vị tư vấn thiết kế biểu đầu ra để tổng hợp từ dữ liệu khảo sát đã được nhập tin, kiểm tra.

VIII. KẾ HOẠCH TIẾN HÀNH

Cuộc khảo sát DDCI năm 2021 được thực hiện theo kế hoạch như sau:

STT	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Xây dựng, hoàn thiện và trình phê duyệt Phương án.	Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp Cục Thống kê tỉnh, Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh và các đơn vị liên quan.	Tháng 10/2021
2	Lập dự toán kinh phí trình Sở Tài chính thẩm định, UBND tỉnh phê duyệt theo quy định.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Tháng 10/2021
3	Lựa chọn đơn vị tư vấn	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Tháng 10/2021
4	Thiết kế phần mềm nhập tin và tổng hợp kết quả, xây dựng tài liệu khảo sát	Đơn vị tư vấn	Tháng 10/2021
5	Tập huấn nghiệp vụ khảo sát	Hiệp Hội Doanh nghiệp tỉnh chủ trì, phối hợp Cục Thống kê tỉnh và đơn vị tư vấn	Tháng 10/2021
6	Chọn mẫu khảo sát; In, phân phối phiếu, tài liệu khảo sát	Hiệp Hội Doanh nghiệp tỉnh chủ trì, phối hợp với đơn vị tư vấn	Tháng 11/2021
7	Thực hiện khảo sát thu thập thông tin	Hiệp Hội Doanh nghiệp tỉnh	Tháng 11/2021
8	Kiểm tra, nghiệm thu, nhập tin, tổng hợp phiếu khảo sát	Hiệp Hội Doanh nghiệp tỉnh chủ trì, phối hợp với Cục Thống kê và đơn vị tư vấn	Tháng 11/2021
9	Xử lý số liệu, báo cáo kết quả DDCI	Đơn vị tư vấn	Tháng 12/2021
10	Công bố kết quả khảo sát DDCI 2021	Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh và đơn vị tư vấn	Tháng 12/2021

IX. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Công tác chuẩn bị

a) Lập danh sách, chọn mẫu

Hiệp Hội Doanh nghiệp tỉnh chủ trì phối hợp với đơn vị tư vấn và các đơn vị có liên quan thực hiện lập danh sách, chọn mẫu và gửi danh sách doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ sản xuất kinh doanh cá thể được chọn mẫu khảo sát.

b) Tuyển chọn khảo sát viên

Cuộc khảo sát có nội dung phức tạp, liên quan đến nhiều lĩnh vực của các sở, ban, ngành, doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ sản xuất kinh doanh cá thể nên khảo sát viên là người phải có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, có kinh nghiệm hướng dẫn để các đối tượng khảo sát thực hiện tự kê khai, có tinh thần, trách nhiệm cao, nhiệt tình và có sức khỏe.

Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh chủ trì, phối hợp Cục Thống kê tỉnh, Liên minh Hợp tác xã tổ chức thành lập tối thiểu 2 đội khảo sát (gồm đội trưởng và khảo sát viên) để triển khai thực hiện khảo sát tại các huyện, thành phố.

Đội trưởng có trách nhiệm tổ chức thực hiện toàn bộ công việc khảo sát tại địa bàn huyện, thành phố được phân công; đôn đốc, kiểm tra công việc triển khai của các khảo sát viên.

Khảo sát viên có nhiệm vụ tham gia tập huấn nghiệp vụ đầy đủ và nắm vững nghiệp vụ khảo sát; tiếp nhận danh sách doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ sản xuất kinh doanh cá thể được chọn mẫu khảo sát do đội trưởng phân công; gửi phiếu khảo sát, hướng dẫn, đôn đốc doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất kinh doanh cá thể được phân công thực hiện tự kê khai đầy đủ các nội dung trên phiếu và nhận phiếu do doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ sản xuất kinh doanh cá thể hoàn thành và gửi lại đảm bảo đúng thời quy định.

c) Tập huấn nghiệp vụ

Hiệp Hội Doanh nghiệp tỉnh chủ trì phối hợp với Cục Thống kê tỉnh, đơn vị tư vấn được lựa chọn tổ chức lớp tập huấn nghiệp vụ cho lực lượng khảo sát.

Giảng viên là những chuyên gia thuộc đơn vị tư vấn có kinh nghiệm trong lĩnh vực điều tra đánh giá năng lực điều hành của các sở, ban, ngành và địa phương.

d) Công tác tuyên truyền

Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh chủ trì, phối hợp với Liên minh Hợp tác xã, UBND các huyện, thành phố, các đơn vị liên quan thực hiện công tác tuyên truyền đến các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể được chọn mẫu khảo sát trên địa bàn tỉnh. Việc tuyên truyền phải đảm bảo làm rõ về mục đích, ý nghĩa và lợi ích của cuộc khảo sát qua đó giúp doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ sản xuất kinh doanh cá thể xác định trách nhiệm và vinh dự, sẵn sàng phối hợp tự kê khai thông tin khảo sát chính xác, khách quan, trung thực.

2. Công tác thu thập thông tin

Hiệp Hội Doanh nghiệp tỉnh chủ trì tổ chức triển khai thu thập thông tin khảo sát thông qua các đội khảo sát để hướng dẫn các doanh nghiệp, HTX, hộ kinh doanh cá thể kê khai thông tin trực tiếp. Đội trưởng các đội khảo sát lập bảng phân công số lượng doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ sản xuất kinh doanh cá thể cho từng khảo sát viên. Căn cứ danh sách do đội trưởng phân công, khảo sát viên phải đến trực tiếp từng doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ sản xuất kinh doanh cá thể để giới thiệu mục đích, ý nghĩa và lợi ích của cuộc khảo sát và hướng dẫn, hoàn thành kê khai phiếu khảo sát đảm bảo chất lượng, tiến độ, thời gian theo quy định.

3. Công tác kiểm tra, giám sát

Hiệp Hội Doanh nghiệp tỉnh chủ trì phối hợp với Cục Thống kê tỉnh tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát. Lực lượng kiểm tra, giám sát gồm: Lãnh đạo và cán bộ Hiệp Hội Doanh nghiệp tỉnh; Lãnh đạo và công chức Cục Thống kê tỉnh.

Mục đích của kiểm tra, giám sát nhằm phát hiện kịp thời, tại chỗ các vấn đề phát sinh trong quá trình khảo sát.

Nội dung kiểm tra, giám sát tập trung vào: Việc triển khai khảo sát; Khảo sát viên có đúng đến doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ sản xuất kinh doanh cá thể được chọn mẫu để giới thiệu và gửi phiếu khảo sát, hướng dẫn tự kê khai hay không; Công tác kiểm tra, nghiệm thu phiếu khảo sát.

4. Nghiệm thu kết quả

- Ngay sau khi doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ sản xuất kinh doanh cá thể hoàn thành phiếu gửi cho khảo sát viên. Đội trưởng nghiệm thu phiếu của khảo sát viên và bàn giao cho Hiệp Hội Doanh nghiệp tỉnh xong trước ngày 15/11/2021.

- Hiệp Hội Doanh nghiệp tỉnh nghiệm thu toàn bộ phiếu khảo sát của các huyện, thành phố do đội trưởng các đội bàn giao xong trước ngày 25/11/2021.

5. Xử lý, tổng hợp và công bố kết quả

- Hiệp Hội Doanh nghiệp tỉnh chủ trì, phối hợp với Cục Thống kê tổ chức nhập tin phiếu khảo sát theo chương trình phần mềm của đơn vị tư vấn xây dựng. Thời gian nhập tin hoàn thành trong tháng 11/2021.

- Đơn vị tư vấn xử lý số liệu, báo cáo kết quả DDCI xong trong tháng 12/2021.

- Tổ chức Hội nghị công bố kết quả bộ chỉ số DDCI trong tháng 12/2021.

6. Chỉ đạo thực hiện

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan thực hiện các nhiệm vụ: Lập dự toán kinh phí thực hiện phương án trình Sở Tài chính thẩm định, UBND tỉnh phê duyệt theo quy định; Lựa chọn đơn vị tư vấn xây dựng Bộ chỉ số đánh giá năng lực điều hành các sở, ban, ngành và địa phương (DDCI) 2021; Tổ chức tuyên truyền, phổ biến phương pháp, nội dung bộ chỉ số DDCI; Tổ chức Hội nghị công bố kết quả điều tra DDCI 2021; Vận động xã hội hóa kinh phí tổ chức thực hiện từ các nguồn vốn hợp pháp; Quản lý sử dụng, thanh quyết toán kinh phí khảo sát theo đúng chế độ hiện hành.

b) Hiệp Hội Doanh nghiệp tỉnh chủ trì, phối hợp với Cục Thống kê tỉnh, Liên minh Hợp tác xã, đơn vị tư vấn và các đơn vị có liên quan thực hiện lập danh sách và chọn mẫu; tập huấn nghiệp vụ khảo sát; in, phân phối phiếu, tài liệu; thực hiện khảo sát tại địa bàn; phúc tra, nghiệm thu, nhập tin, tổng hợp kết quả khảo sát; Tuyên truyền, vận động, hướng dẫn cộng đồng doanh nghiệp tỉnh tích cực tham gia trả lời phiếu khảo sát DDCI 2021 và giám sát quá trình tổ chức thực hiện.

c) Cục Thống kê tỉnh phối hợp, hỗ trợ Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho lực lượng khảo sát; cung cấp số liệu doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể trên địa bàn tỉnh phục vụ công tác chọn mẫu; lựa chọn và cử cán bộ tham gia đội khảo sát; kiểm tra, giám sát quá trình tổ chức thực hiện, nhập tin và các nội dung liên quan đảm bảo theo phương án.

d) Cục Thuế tỉnh cung cấp số liệu doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể trên địa bàn tỉnh phục vụ công tác chọn mẫu; chỉ đạo đội thuế ở cơ sở phối hợp, giúp đỡ đoàn khảo sát trong quá trình thực hiện.

e) Liên minh Hợp tác xã phối hợp với Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh tuyên truyền, vận động, hướng dẫn các Hợp tác xã trên địa bàn tỉnh tích cực tham gia trả lời phiếu khảo sát DDCI 2021 đảm bảo chất lượng phiếu đánh giá, hiệu quả; lựa chọn và cử cán bộ tham gia đội khảo sát theo phương án.

f) Đơn vị tư vấn phối hợp với các đơn vị liên quan để triển khai toàn bộ các nội dung công việc trước, trong và sau khi khảo sát (theo phương án được phê duyệt), tổng hợp, xử lý, chuyển giao kết quả và phối hợp để tổ chức công bố kết quả DDCI năm 2021.

g) Sở Tài chính: Chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Hiệp Hội doanh nghiệp tỉnh tham mưu đề xuất cho UBND tỉnh bổ sung kinh phí từ ngân sách tỉnh để triển khai phương án khảo sát thu thập thông tin đánh giá năng lực điều hành về kinh tế của các sở, ban, ngành và các địa phương (DDCI) theo quy định.

h) Đài truyền hình, Báo Hà Giang: Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh tổ chức tuyên truyền mục đích, ý nghĩa triển khai DDCI và cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

i) Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố: Phối hợp với Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh, Cục thống kê, Liên minh Hợp tác xã tỉnh …, trong việc cung cấp số liệu, tài liệu, bố trí cán bộ có liên quan để đảm bảo tổ chức thực hiện phương án đúng kế hoạch, hiệu quả và đánh giá thực chất môi trường đầu tư kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

X. NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí khảo sát, xây dựng bộ chỉ số DDCI năm 2021 do ngân sách tỉnh cấp và huy động xã hội hóa từ các nguồn vốn hợp pháp để đảm bảo tổ chức các hoạt động theo phương án này. Việc lập dự toán, thẩm định, quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện theo các quy định hiện hành./.

UBND TỈNH HÀ GIANG
CHỈ SỐ NĂNG LỰC ĐIỀU HÀNH KINH TẾ CẤP SỞ, BAN, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG (DDCI)

PHIẾU A

(Khối Sở, ban, ngành)

DDCI HÀ GIANG

MÃ KHẢO SÁT

Mã số của DN/HTX: | | | | |

DN/HTX:.....

Địa phương: .....

Thời gian (giờ, ngày/tháng/năm): ...../...../202...

Họ và tên điều tra viên: ...../ SĐT.....Chữ ký: .....

Họ và tên người soát phiếu hỏi: ...../ Chữ ký: .....

Để có cơ sở đánh giá chất lượng và hiệu quả thực thi nhiệm vụ được giao của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh; tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh; đồng thời tạo kênh chuyển tải thông tin để nhà đầu tư, doanh nghiệp tham gia đóng góp ý kiến xây dựng chính quyền địa phương.

Năm 2021 là năm đầu tiên tỉnh Hà Giang triển khai khảo sát đánh giá Năng lực Điều hành kinh tế cấp Sở, Ban, Ngành (SBN) và Địa phương tỉnh Hà Giang (được gọi là DDCI). Để cuộc khảo sát đạt kết quả tốt, đề nghị các DN/HTX phát huy tinh thần vì sự nghiệp xây dựng và phát triển địa phương, tham gia đánh giá đầy đủ, khách quan, chính xác nội dung khảo sát. Thông tin và ý kiến đánh giá của quý vị được bảo mật và chỉ sử dụng cho mục đích nghiên cứu của cuộc khảo sát này.

LỰA CHỌN SỞ, BAN, NGÀNH ĐÁNH GIÁ

DN/HTX lựa chọn các Sở, Ban, Ngành mà mình <u>đã thực hiện TTHC hoặc có tương tác và hiểu biết</u> theo bảng dưới đây:

☐ 1. Văn phòng UBND tỉnh	☐ 2. Sở Kế hoạch và Đầu tư	☐ 3. Sở Xây dựng
☐ 4. Sở Tài nguyên và Môi trường	☐ 5. Sở Công thương	☐ 6. Sở Giao thông - Vận tải
☐ 7. Sở Nông nghiệp & PTNT	☐ 8. Sở Tài chính	☐ 9. Cục Thuế tỉnh
☐ 10. BQL dự án ĐTXD công trình nông nghiệp & PTNT	☐ 11. BQL dự án ĐTXD công trình giao thông	☐ 12. BQL dự án ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp
☐ 13. BQL Khu kinh tế	☐ 14. Sở Lao động - TBXH	☐ 15. Cục Hải quan tỉnh
☐ 16. Công an tỉnh	☐ 17. Sở Y tế	☐ 18. Sở Giáo dục & Đào tạo
☐ 19. Sở Văn hóa - TT&DL	☐ 20. Cục Quản lý thị trường	

(Phiếu được thiết kế để 1 doanh nghiệp đánh giá 5 sở, ban, ngành. Trong trường hợp doanh nghiệp muốn đánh giá thêm sở, ban, ngành, có thể photocopy bổ sung để doanh nghiệp đánh giá tiếp đối với sở, ban, ngành đó).

A. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP/HỢP TÁC XÃ

A1. Tên DN/HTX: .....

A2. Địa chỉ: .....

A3. Họ và tên người trả lời: .....

A4. Số điện thoại: .....

A5. Email: .....

A6. Năm đăng ký kinh doanh của DN/HTX?

☐ (1) Cách đây dưới 5 năm ☐ (2) Cách đây từ 5- dưới 10 năm ☐ (3) Trên 10 năm

A7. Lĩnh vực ngành nghề kinh doanh CHÍNH *(là lĩnh vực tạo ra doanh thu lớn nhất)* **tại DN/HTX là gì?**

☐ (1) Nông/Lâm nghiệp/ Thủy sản ☐ (2) Thủy điện ☐ (3) Thương mại – Dịch vụ
☐ (4) Khoáng sản ☐ (5) Xây dựng, bất động sản ☐ (6) Khác

A8. DN/HTX của ông/ bà tiền thân có phải là hộ kinh doanh cá thể không? *(Bỏ qua câu này nếu là HKD)*

☐ (1) Có, được chuyển đổi từ hộ kinh doanh cá thể ☐ (2) Không, được thành lập mới hoàn toàn

A9. Tình hình hoạt động của DN/HTX trong năm vừa qua so với năm trước?

☐ (1) Lãi nhiều ☐ (2) Lãi chút ít ☐ (3) Hòa vốn ☐ (4) Thua lỗ chút ít ☐ (5) Thua lỗ lớn

A10. Dự định kinh doanh của DN/HTX trong vòng 1-2 năm tới là gì?

☐ (1) Có kế hoạch tăng quy mô đáng kể
☐ (2) Có kế hoạch tăng quy mô một chút
☐ (3) Sẽ tiếp tục với quy mô hiện tại
☐ (4) Có kế hoạch giảm quy mô hoặc chuyển đổi lĩnh vực kinh doanh
☐ (5) Có kế hoạch đóng cửa

A11. Nhận xét chung về chất lượng của hoạt động quản lý, điều hành phát triển kinh tế-xã hội của các sở ban ngành trong năm vừa qua?

☐ (1) Cải thiện nhiều ☐ (2) Cải thiện ít ☐ (3) Không thay đổi ☐ (4) Giảm ít ☐ (5) Giảm nhiều

B. NĂNG LỰC QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH KINH TẾ VÀ NĂNG LỰC CẠNH TRANH

SỞ BAN NGÀNH ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ: .....

[Đề nghị Doanh nghiệp điền tên Sở, ban, ngành được đánh giá vào đây]

Ông bà vui lòng trả lời các câu hỏi sau liên quan tới Sở, ban, ngành mà ông/bà đã lựa chọn bên trên.

1 - ĐĂNG KÝ, CẤP PHÉP KHI GIA NHẬP THỊ TRƯỜNG

B1. Tổng thời gian mà ông/ bà đã dành cho việc tìm hiểu thông tin về **trình tự, thủ tục đăng ký, cấp phép/ cấp giấy chứng nhận đầu tư, giấy phép đủ điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện** tại SỞ/BAN/NGÀNH là bao nhiêu lâu?

☐ (1) ≥ 7 ngày ☐ (2) 5-6 ngày ☐ (3) 3-4 ngày ☐ (4) 1-2 ngày ☐ (5) <1 ngày

B2. Số lần ông/ bà phải đi lại để hoàn thành việc **đăng ký, cấp phép/ cấp giấy chứng nhận đầu tư, giấy phép đủ điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện tại SỞ/BAN/NGÀNH?**

☐ (1) ≥ 5 lần ☐ (2) 4 lần ☐ (3) 3 lần ☐ (4) 2 lần ☐ (5) ≤1 lần

B3. Ông/bà đánh giá thế nào tính **ứng dụng công nghệ thông tin** vào trình tự, thủ tục đăng ký đăng ký, cấp phép/ cấp giấy chứng nhận đầu tư, giấy phép đủ điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện?

☐ (1) Rất kém ☐ (2) Kém ☐ (3) Trung bình ☐ (4) Tốt ☐ (5) Rất tốt

B4. Thời gian DN/HTX bỏ ra để **hoàn thành tất cả các thủ tục cần thiết** ở SỞ/BAN/NGÀNH để **chính thức hoạt động**?

☐ (1) Mất quá nhiều thời gian ☐ (2) Mất khá nhiều thời gian ☐ (3) Bình thường ☐ (4) Đúng thời gian ☐ (5) Rất nhanh chóng, trước thời gian quy định

2 - CHI PHÍ THỜI GIAN THỰC HIỆN TTHC VÀ TUÂN THỦ PHÁP LUẬT

Chi phí thực hiện TTHC và tuân thủ quy định pháp luật *được hiểu là chi phí, số lần đi lại, thời gian cho việc chuẩn bị hồ sơ, giấy tờ, liên lạc, tiếp xúc với cơ quan có liên quan để thực hiện quy định của pháp luật.*

B5-B7. Liên quan đến **thực hiện TTHC tại SỞ/BAN/NGÀNH,** ông/ bà vui lòng đánh giá các tiêu chí sau:

Các tiêu chí	Rất kém	Kém	Trung bình	Tốt	Rất tốt
	★	★★	★★★	★★★★	★★★★★
B5. Năng lực, chuyên môn giải quyết công việc của cán bộ, công chức khi làm việc với DN/HTX	☐	☐	☐	☐	☐
B6. Thái độ phục vụ, sự nhiệt tình và không có biểu hiện gây khó dễ của cán bộ, công chức khi làm việc với DN/HTX	☐	☐	☐	☐	☐
B7. Tuân thủ quy định về thời gian khi giải quyết TTHC	☐	☐	☐	☐	☐

B8. Ông bà đánh giá thế nào về **thời gian** mà ông/bà phải bỏ ra để **thực hiện quy định** theo yêu cầu của SỞ/BAN/NGÀNH?

☐ (1) Mất quá nhiều thời gian ☐ (2) Mất khá nhiều thời gian ☐(3) Bình thường ☐ (4) Đúng thời gian ☐ (5) Rất nhanh chóng, ngắn hơn thời gian quy định

B9. Số lượng các đợt thanh tra, kiểm tra của SỞ/BAN/NGÀNH mà ông/bà phải tiếp trong năm vừa qua? *(Thanh tra, kiểm tra bao gồm các hoạt động thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch được thông báo trước, kiểm tra đột xuất, kiểm tra chuyên ngành)*

☐ (1) ≥ 5 lần ☐ (2) 4 lần ☐ (3) 3 lần ☐ (4) 1-2 lần ☐ (5) 0 lần

B10. Ông/bà đánh giá thế nào về **thời gian của 1 đợt thanh tra, kiểm tra** của SỞ/BAN/NGÀNH so với quy định?

☐ (1) Quá thời gian trong quyết định rất nhiều ngày
☐ (2) Quá thời gian trong quyết định một số ngày
☐ (3) Đúng theo thời gian trong quyết định
☐ (4) Ngắn hơn thời gian trong quyết định nhưng vẫn mất thời gian
☐ (5) Không mất nhiều thời gian

B11. Mức độ ảnh hưởng của các hoạt động thanh tra, kiểm tra của SỞ/BAN/NGÀNH?

☐ (1) Cản trở đáng kể tới hoạt động SXKD
☐ (2) Chồng tréo, trùng lặp
☐ (3) Bình thường
☐ (4) Tốt
☐ (5) Rất tốt

B12. Vui lòng cho biết về tình trạng các cuộc thanh tra, kiểm tra của SỞ/BAN/NGÀNH **tạo cơ hội cho cán bộ những nhiễu** các DN/HTX?

☐ (1) Luôn luôn ☐ (2) Đa số ☐(3) Thỉnh thoảng ☐ (4) Hiếm khi ☐ (5) Không bao giờ

3 - CẠNH TRANH BÌNH ĐẲNG VÀ ĐỐI XỬ CÔNG BẰNG

Cạnh tranh bình đẳng *được hiểu là không có sự phân biệt đối xử giữa các DN với nhau (giữa DN NN, DN FDI với DN thuộc khu vực tư nhân, giữa DN lớn và DN nhỏ, DN trong và ngoài tỉnh, giữa DN với DN "thân hữu" với chính quyền, SỞ/BAN/NGÀNH), giữa DN, HTX.*

B13-B16. Ông/bà đánh giá thế nào về việc **đối xử công bằng, cạnh tranh bình đẳng** giữa các DN/HTX của SỞ/BAN/NGÀNH theo các tiêu chí sau:

Các tiêu chí	Rất kém ★	Kém ★★	Trung bình ★★★	Tốt ★★★★	Rất tốt ★★★★★
B13. Đánh giá tính bình đẳng trong tiếp cận các nguồn thông tin tổng hợp hỗ trợ hoạt động của DN, HTX	☐	☐	☐	☐	☐
B14. Đáng giá tính bình đẳng trong tiếp cận các nguồn lực nhà nước (phân bổ vốn, đấu thầu, đấu giá, đất đai, khoáng sản….)	☐	☐	☐	☐	☐
B15. Đánh giá tính công bằng trong việc giải quyết các TTHC, những kiến nghị khó khăn của DN, HTX	☐	☐	☐	☐	☐
B16. Đánh gía tính bình đẳng, không phân biệt đối xử trong công tác thanh tra, kiểm tra đối với DN/HTX	☐	☐	☐	☐	☐

4 - HIỆU LỰC THỰC THI VĂN BẢN CHÍNH SÁCH, THIẾT CHẾ PHÁP LÝ

B17. Ông bà đánh giá thế nào về **tính nhất quán** trong việc thực thi văn bản chính sách pháp luật của SỞ/BAN/NGÀNH?

☐ (1) Rất kém ☐ (2) Kém ☐ (3) Bình thường ☐ (4) Tốt ☐ (5) Rất tốt

B18. Ông bà đánh giá thế nào về **hoạt động công khai, tuyên truyền, phổ biến các chính sách, văn bản pháp luật của** SỞ/BAN/NGÀNH **trong thời gian qua?**

☐ (1) Không hiệu quả ☐ (2) Ít hiệu quả ☐ (3) Bình thường ☐ (4) Tương đối hiệu quả ☐ (5) Rất hiệu quả

B19-B21. Ông/bà vui lòng đánh giá **các tiêu chí liên quan tới giải quyết khiếu nại, tố cáo** của SỞ/BAN/NGÀNH theo bảng sau:

Các tiêu chí	Rất kém ★	Kém ★★	Bình thường ★★★	Tốt ★★ ★★	Rất tốt ★★★★★
B19. Công tác hỗ trợ pháp lý cho DN/HTX khi họ có kiến nghị, khiếu nại, tố cáo hành vi vi phạm	☐	☐	☐	☐	☐
B20. Tính thỏa đáng khi giải quyết khiếu nại, tố cáo	☐	☐	☐	☐	☐
B21. Trình tự giải quyết khiếu nại, tố cáo	☐	☐	☐	☐	☐

5 - TÍNH NĂNG ĐỘNG CỦA SỞ BAN NGÀNH VÀ VAI TRÒ CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU

B22-B25. Ông/bà đánh giá thế nào về các tiêu chí sau liên quan đến tính năng động, sáng tạo của SỞ/BAN/NGÀNH?

Tính năng động, sáng tạo của SỞ/BAN/NGÀNH được hiểu trong bối cảnh triển khai các quyết định, chính sách, quy định của pháp luật và UBND tỉnh.

Các tiêu chí	Rất kém ★	Kém ★★	Trung bình ★★★	Tốt ★★★★	Rất tốt ★★★★★
B22. Khi triển khai các văn bản quy định của nhà nước có vướng mắc, bất cập, SỞ/BAN/NGÀNH đã phản ánh với cấp có thẩm quyền để chỉnh sửa	☐	☐	☐	☐	☐
B23. SỞ/BAN/NGÀNH đã kịp thời giải quyết các quyết định/chủ trương của UBND tỉnh và cấp TW về việc giải quyết công việc cho DN/HTX	☐	☐	☐	☐	☐
B24. Không đùn đẩy trách nhiệm giữa các SỞ/BAN/NGÀNH hoặc lên cấp có thẩm quyền cao trong giải quyết các vấn đề liên quan cho DN/HTX	☐	☐	☐	☐	☐
B25. SỞ/BAN/NGÀNH đã tích cực trong việc giải quyết các vấn đề của DN/HTX nêu ra sau đối thoại	☐	☐	☐	☐	☐

B26-B31. Ông/bà đánh giá thế nào về công tác **điều hành của lãnh đạo SỞ/BAN/NGÀNH** theo các tiêu chí sau:

Các nhận định	Rất kém ★	Kém ★★	Bình thường ★★★	Tốt ★★★★	Rất tốt ★★★★★
B26. Năng lực điều hành trong thực thi công vụ và trong cải cách hành chính	☐	☐	☐	☐	☐
B27. Tính quyết liệt trong chỉ đạo điều hành, nghiêm túc thực hiện kỷ luật hành chính và tuân thủ quy định trong thực thi công vụ (công tâm, khách quan)	☐	☐	☐	☐	☐
B28. Tinh thần dám quyết, dám làm và dám chịu trách nhiệm trong việc thực thi các quy định, chính sách và giải quyết các vấn đề phát sinh khách quan	☐	☐	☐	☐	☐
B29. Việc giám sát và kịp thời xử lý những hành vi nhũng nhiễu, tiêu cực khi có phản ánh, tố cáo	☐	☐	☐	☐	☐
B30. Việc thường xuyên tiếp xúc, tiếp thu ý kiến và giải quyết các nội dung của DN/HTX đề xuất, kiến nghị	☐	☐	☐	☐	☐
B31. Tích cực và trực tiếp tham gia các hoạt động đối thoại với DN/HTX và thực hiện các cam kết đầy đủ và nghiêm túc	☐	☐	☐	☐	☐

B32. Ông/bà đánh giá thế nào về hiện tượng **"Trên nóng dưới lạnh"** hay **"Trên bảo dưới không nghe"** tại SỞ/BAN/NGÀNH?

☐ (1) Rất phổ biến ☐ (2) Khá phổ biến ☐ (3) Vẫn xảy ra ☐ (4) Gần như không có ☐ (5) Hoàn toàn không xảy ra

B33. Ông/bà đánh giá thế nào về hiện tượng **nhũng nhiễu và gây khó khăn** cho DN/HTX của lãnh đạo SỞ/BAN/NGÀNH?

☐ (1) Rất phổ biến ☐ (2) Khá phổ biến ☐ (3) Vẫn xảy ra ☐ (4) Gần như không có ☐ (5) Hoàn toàn không xảy ra

6 - CHI PHÍ KHÔNG CHÍNH THỨC

B34. Ông/ bà đánh giá như thế nào về **mức độ phổ biến** của chi phí không chính thức (chi phí lót tay, chi phí khác ngoài quy định của Nhà nước) mà DN/HTX phải bỏ ra chi cho cán bộ của SỞ/BAN/NGÀNH?

☐ (1) Rất phổ biến, gần như thành yêu cầu mặc định ngầm
☐ (2) Tương đối phổ biến
☐ (3) Có nhưng không tạo gánh nặng lớn cho DN/HTX/HKD
☐ (4) Vẫn còn một vài trường hợp, nhưng không đáng kể
☐ (5) Hoàn toàn không có chi phí không chính thức

B35. Ông/bà đánh giá thế nào về **mức chi cho chi phí không chính thức** mà 1 DN/HTX phải bỏ ra **để giải quyết TTHC hoặc các công việc liên quan?**
☐ (1) Gánh nặng lớn cho DN/HTX mà vẫn không giải quyết được
☐ (2) Tạo gánh nặng nhưng công việc được giải quyết
☐ (3) Không phải gánh nặng quá lớn, ở mức chấp nhận được
☐ (4) Mức chi phí ở mức thấp
☐ (5) Gần như không phải chi hoặc mức chi phí rất nhỏ

B36. Ông/bà đánh giá thế nào về việc DN/HTX nếu **chi trả chi phí không chính thức thì công việc thường được giải quyết hiệu quả tốt hơn?**

☐ (1) Không bao giờ được giải quyết hiệu quả
☐ (2) Chưa chắc được giải quyết hiệu quả
☐ (3) Được giải quyết tương đối
☐ (4) Thường hiệu quả hơn
☐ (5) Luôn luôn được giải quyết hiệu quả hơn

B37. Theo ông/bà, **xu thế tăng/giảm của các khoản chi không chính thức** mà DN/HTX trả cho cán bộ của SỞ/BAN/NGÀNH trong năm vừa qua?

☐ (1) Tăng lên nhiều và trở nên phổ biến hơn
☐ (2) Có xu thế tăng lên nhẹ
☐ (3) Chi phí không thay đổi
☐ (4) Giảm nhẹ
☐ (5) Giảm đáng kể và trở nên ít phổ biến hơn (hoặc hoàn toàn không có chi phí)

7 - TÍNH MINH BẠCH VÀ TIẾP CẬN THÔNG TIN

B38-B41. Ông/ bà hãy đánh giá **tiêu chí sau** liên quan tới tiếp cận thông tin tại **SỞ/BAN/NGÀNH?**

Các tiêu chí	Rất kém ★	Kém ★★	Trung bình ★★★	Tốt ★★★★	Rất tốt ★★★★★
B38. Tính dễ dàng khi tiếp cận VBQPPL, hướng dẫn thực hiện kịp thời TTHC, cơ chế chính sách mới	☐	☐	☐	☐	☐
B39. Tính kịp thời, đầy đủ chính xác khi cung cấp thông tin theo yêu cầu của DN, HTX	☐	☐	☐	☐	☐
B40. Tính rõ ràng, minh bạch của TTHC (gồm niêm yết thủ tục và quy trình, phí và lệ phí) ở SỞ/BAN/NGÀNH	☐	☐	☐	☐	☐
B41. Đánh giá tính hiệu quả của việc sử dụng các thông tin được niêm yết hoặc được cung cấp theo yêu cầu của DN, HTX	☐	☐	☐	☐	☐

B42-B45. Ông/bà đánh giá thế nào về việc các SỞ/BAN/NGÀNH **ứng dụng Công nghệ thông tin (CNTT)** trong việc cung cấp thông tin theo yêu cầu của DN/HTX với các tiêu chí sau:

Các tiêu chí	Rất kém ★	Kém ★★	Trung bình ★★★	Tốt ★★★★	Rất tốt ★★★★★
B42. Tính hữu ích và cập nhật của thông tin trên website của SỞ/BAN/NGÀNH	☐	☐	☐	☐	☐
B43. Mức độ ứng dụng CNTT trong việc công khai thông tin và thực hiện TTHC	☐	☐	☐	☐	☐
B44. Hỏi-đáp trực tuyến trên trang web và công khai kết quả tham vấn, trả lời thắc mắc/ ý kiến của các DN	☐	☐	☐	☐	☐
B45. Sự khuyến khích DN ứng dụng CNTT, thực hiện dịch vụ công trực tuyến trong quản lý, điều hành trong bối cảnh thực hiện chuyển đổi số DN	☐	☐	☐	☐	☐

8 - HỖ TRỢ SẢN XUẤT, KINH DOANH

B46. Ông/bà đánh giá thế nào về việc **cung cấp thông tin triển khai các chương trình, chính sách** (của trung ương và tỉnh) dành riêng cho hỗ trợ các DN/HTX của SỞ/BAN/NGÀNH?

☐ (1) Rất kém ☐ (2) Kém ☐ (3) Trung bình ☐ (4) Tốt ☐ (5) Rất tốt

B47. Trong năm vừa qua, ông/bà **có hay được mời/thông báo tham gia các chương trình hỗ trợ DN/HTX** (khóa đào tạo, tập huấn, phổ biến chủ trương, chính sách vay vốn…) do SỞ/BAN/NGÀNH tổ chức?

☐ (1)Không được mời ☐ (2) Hiếm khi ☐ (3) Thỉnh thoảng ☐ (4) Thường xuyên ☐ (5) Luôn luôn

B48-B50. Ông bà vui lòng đánh giá các tiêu chí về **hoạt động hỗ trợ SXKD của SỞ/BAN/NGÀNH**, theo bảng sau:

Các tiêu chí	Rất kém ★	Kém ★★	Bình thường ★★★	Tốt ★★★★	Rất tốt ★★★★★
B48. Thiết kế và thực hiện các chương trình hỗ trợ sản xuất kinh doanh theo các chính sách, định hướng phát triển Trung ương và của tỉnh	☐	☐	☐	☐	☐
B49. Hỗ trợ các DN/HTX trong các trường hợp chịu ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh (Dịch Covid-19)	☐	☐	☐	☐	☐
B50. Hỗ trợ DNVVN, DN/HTX do phụ nữ, nhóm người yếu thế làm chủ sản xuất kinh doanh	☐	☐	☐	☐	☐

C- Ý KIẾN ĐÓNG GÓP

C1. Ông/bà vui lòng cho biết **bộ phận, phòng, ban nào thuộc Sở, ban, ngành này còn nhiều yếu kém, cần cải thiện chất lượng phục vụ và điều hành kinh tế** trong thời gian tới? *(Nêu cụ thể tên phòng, bộ phận và hạn chế yếu kém cần khắc phục)*

……

……

……

C2. Các vấn đề khác hoặc đề xuất giải pháp mà ông/bà muốn phản ánh về chất lượng điều hành và phục vụ của Sở, ban, ngành này?

……

……

……

……

……

……

UBND TỈNH HÀ GIANG
CHỈ SỐ NĂNG LỰC ĐIỀU HÀNH KINH TẾ CẤP SỞ, BAN, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG (DDCI)

PHIẾU B
(Khối địa phương)

DDCI HÀ GIANG

MÃ KHẢO SÁT

Mã số của DN/HTX/HKD: | | | | |

DN/HTX/HKD:.....

Địa phương: .....

Thời gian (giờ, ngày/tháng/năm): ...../...../202...

Họ và tên điều tra viên: ...../ SĐT.....Chữ ký: .....

Họ và tên người soát phiếu hỏi: ...../ Chữ ký: .....

Để có cơ sở đánh giá chất lượng và hiệu quả thực thi nhiệm vụ được giao của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh; tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh; đồng thời tạo kênh chuyển tải thông tin để nhà đầu tư, doanh nghiệp tham gia đóng góp ý kiến xây dựng chính quyền địa phương.

Năm 2021 là năm đầu tiên tỉnh Hà Giang triển khai khảo sát đánh giá Năng lực Điều hành kinh tế cấp Sở, Ban, Ngành (SBN) và Địa phương tỉnh Hà Giang (được gọi là DDCI). Để cuộc khảo sát đạt kết quả tốt, đề nghị các DN/HTX/HKD phát huy tinh thần vì sự nghiệp xây dựng và phát triển địa phương, tham gia đánh giá đầy đủ, khách quan, chính xác nội dung khảo sát. Thông tin và ý kiến đánh giá của quý vị được bảo mật và chỉ sử dụng cho mục đích nghiên cứu của cuộc khảo sát này.

LỰA CHỌN ĐỊA PHƯƠNG ĐÁNH GIÁ

Chú ý: 1 HTX/HKD chỉ trả lời **MỘT** huyện/thành phố nơi mình có địa điểm kinh doanh.
1 DN đánh giá tối đa với **NHIỀU** huyện/thành phố mà mình hiểu biết về chính quyền của huyện/ thành phố đó

☐ (1) TP. Hà Giang ☐ (2) H. Đồng Văn ☐ (3) H. Mèo Vạc ☐ (4) H. Yên Minh
☐ (5) H. Quản Bạ ☐ (6) H. Vị Xuyên ☐ (7) H. Bắc Mê ☐ (8) H. Hoàng Su Phì
☐ (9) H. Xín Mần ☐ (10) H. Bắc Quang ☐ (11) H. Quang Bình

A. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP/HỢP TÁC XÃ/HỘ KINH DOANH

A1. Tên DN/HTX/HKD: .....

A2. Địa chỉ: .....

A3. Họ tên người trả lời: .....

A4. Số điện thoại của chủ cơ sở (người trả lời): .....

A5. Email của người trả lời:..... .....

A6. Đề nghị cho biết cơ sở SXKD của ông/bà là

☐ (1) DN đăng ký theo Luật DN
☐ (2) HTX đăng ký theo Luật HTX
☐ (3) Hộ kinh doanh
☐ (4) Khác

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH SẢN XUẤT, TRIỂN VỌNG KINH DOANH VÀ MÔI TRƯỜNG KINH DOANH

A7. Năm đăng ký kinh doanh của DN/HTX/HKD?

☐ (1) Cách đây dưới 1 năm
☐ (2) Cách đây 1- 2 năm
☐ (3) Cách đây 2-5 năm
☐ (4) Cách đây 5-10 năm
☐ (5) Cách đây trên 10 năm

A8. Lĩnh vực ngành nghề kinh doanh CHÍNH *(là lĩnh vực tạo ra doanh thu lớn nhất)* **của DN/HTX/HKD là gì?**

☐ (1) Nông/Lâm nghiệp/ Thủy sản
☐ (2) Thủy điện
☐ (3) Thương mại – Dịch vụ
☐ (4) Khoáng sản
☐ (5) Xây dựng, bất động sản
☐ (6) Khác

A9.Tình hình hoạt động của DN/HTX/HKD trong năm vừa qua so với năm trước?

☐ (1) Lãi nhiều
☐ (2) Lãi chút ít
☐ (3) Hòa vốn
☐ (4) Thua lỗ chút ít
☐ (5) Thua lỗ lớn

A10. Dự định kinh doanh của DN/HTX/HKD trong vòng 1-2 năm tới là gì?

☐ (1) Có kế hoạch tăng quy mô đáng kể
☐ (2) Có kế hoạch tăng quy mô một chút
☐ (3) Sẽ tiếp tục với quy mô hiện tại
☐ (4) Có kế hoạch giảm quy mô hoặc chuyển đổi lĩnh vực kinh doanh
☐ (5) Có kế hoạch đóng cửa

A11. Nhận xét chung về chất lượng của hoạt động quản lý, điều hành phát triển KT-XH của cơ quan chính quyền địa phương trong năm vừa qua?

☐ (1) Cải thiện nhiều
☐ (2) Cải thiện ít
☐ (3) Không thay đổi
☐ (4) Giảm ít
☐ (5) Giảm nhiều

A12. Theo ông bà thì các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển KT-XH của UBND huyện/thành phố đang đánh giá có tác động tới việc sản xuất kinh doanh của ông/bà không?

☐ (1) Rất tốt
☐ (2) Tác động tốt
☐ (3) Rất ít
☐ (4) Ít
☐ (5) Không tác động

B. NĂNG LỰC QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH KINH TẾ VÀ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CỦA ĐỊA PHƯƠNG

HUYỆN/THÀNH PHỐ ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ:

.....

[Đề nghị Doanh nghiệp/HKD điền tên huyện/thành phố được đánh giá vào đây]

Ông bà vui lòng trả lời các câu hỏi sau liên quan tới Huyện/Thành phố mà ông/bà đã lựa chọn và ghi trong ô trên.

1 - GIA NHẬP THỊ TRƯỜNG VÀ HOẠT ĐỘNG CẤP PHÉP

B1. Tổng thời gian mà ông/ bà đã dành cho việc tìm hiểu thông tin về **trình tự, thủ tục để đăng ký kinh doanh/giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chuyên ngành (lần đầu hoặc điều chỉnh) là bao nhiêu lâu?**

☐ (1) ≥ 7 ngày ☐ (2) 5-6 ngày ☐ (3) 3-4 ngày ☐ (4) 1-2 ngày ☐ (5) <1 ngày

B2. Số lần ông/ bà phải đi lại để hoàn thành việc **đăng ký, cấp phép/ cấp giấy chứng nhận** đầu tư, giấy phép đủ điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện tại UBND huyện, thành phố?

☐ (1) ≥ 5 lần ☐ (2) 4 lần ☐ (3) 3 lần ☐ (4) 2 lần ☐ (5) 0-1 lần

B3-B7. Để đi vào chính thức hoạt động, ông/bà đánh giá thế nào về **quy trình thực hiện các thủ tục, quy định** để có được các giấy phép, giấy chứng nhận tại UBND huyện/thành phố được đánh giá theo các lĩnh vực sau:

Giấy phép	Rất phức tạp ★	Phức tạp ★★	Bình thường ★★★	Dễ dàng ★★★★	Rất dễ dàng ★★★★★
B3. Đăng kí kinh doanh	☐	☐	☐	☐	☐
B4. Giấy phép xây dựng (trong thẩm quyền)	☐	☐	☐	☐	☐
B5. Giấy chứng nhận thực hiện các quy định an toàn thực phẩm	☐	☐	☐	☐	☐
B6. Giấy phép kinh doanh/giấy phép đủ điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện	☐	☐	☐	☐	☐
B7. Giấy phép thực hiện các quy định về tài nguyên – môi trường	☐	☐	☐	☐	☐

B8. Ông/bà đánh giá thế nào về việc **ứng dụng CNTT** vào các thủ tục đăng ký kinh doanh/cấp phép đủ điều kiện kinh doanh chuyên ngành đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện?

☐ (1) Rất kém ☐ (2) Kém ☐ (3) Trung bình ☐ (4) Tốt ☐ (5) Rất tốt

B9. Thời gian DN/HTX/HKD bỏ ra để **hoàn thành TẤT CẢ các thủ tục cần thiết** tại UBND huyện/thành phố đang đánh giá bao gồm đăng ký, cấp phép đủ điều kiện kinh doanh (đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện) để DN/HTX/HKD hoặc DỰ ÁN của ông/bà chính thức hoạt động?

☐ (1) Mất quá nhiều thời gian ☐ (2) Mất khá nhiều thời gian ☐ (3) Bình thường ☐ (4) Đúng thời gian ☐ (5) Rất nhanh chóng, trước thời gian quy định

2 - CHI PHÍ THỜI GIAN THỰC HIỆN TTHC VÀ TUÂN THỦ PHÁP LUẬT

Chi phí thực hiện TTHC và tuân thủ quy định pháp luật *được hiểu là chi phí, số lần đi lại, thời gian cho việc chuẩn bị hồ sơ, giấy tờ, liên lạc, tiếp xúc với cơ quan có liên quan để thực hiện quy định của pháp luật.*

B10-B11. Liên quan đến thực hiện TTHC của huyện/ thành phố, ông/bà vui lòng đánh giá các tiêu chí sau:

Các tiêu chí	Rất kém	Kém	Trung bình	Tốt	Rất tốt
	★	★★	★★★	★★★★	★★★★★
B10. Năng lực, chuyên môn giải quyết công việc của cán bộ, công chức khi làm việc với DN/HTX/HKD	☐	☐	☐	☐	☐
B11. Thái độ phục vụ, sự nhiệt tình, và không có biểu hiện gây khó dễ của cán bộ, công chức khi làm việc với DN/HTX/HKD	☐	☐	☐	☐	☐

B12-B20. Ông bà đánh giá thế nào về **chất lượng và hiệu quả của việc thực hiện TTHC** tại cơ quan cấp huyện/thành phố (đang đánh giá) trong các lĩnh vực sau:

Các lĩnh vực quản lý	Rất kém	Kém	Bình thường	Tốt	Rất tốt
	★	★★	★★★	★★★★	★★★★★
B12. Đăng ký kinh doanh	☐	☐	☐	☐	☐
B13. Thuế	☐	☐	☐	☐	☐
B14. Đất đai- địa chính	☐	☐	☐	☐	☐
B15. Xây dựng	☐	☐	☐	☐	☐
B16. Công thương (công nghiệp, dịch vụ - thương mại)	☐	☐	☐	☐	☐
B17. Nông nghiệp	☐	☐	☐	☐	☐
B18. Tài nguyên, môi trường	☐	☐	☐	☐	☐
B19. Văn hóa - thể thao - du lịch	☐	☐	☐	☐	☐
B20. Giao thông – vận tải	☐	☐	☐	☐	☐

B21. Ông bà đánh giá thế nào về **thời gian** mà ông/bà phải bỏ ra để **thực hiện quy định** pháp luật theo yêu cầu của các cơ quan cấp huyện/thành phố?

☐ (1) Mất quá nhiều thời gian ☐ (2) Mất khá nhiều thời gian ☐(3) Bình thường ☐ (4) Đúng thời gian ☐ (5) Rất nhanh chóng, ngắn hơn thời gian quy định

B22. Số lần thanh tra, kiểm tra của UBND huyện/thành phố mà DN/HTX/HKD phải tiếp trong năm vừa qua?

☐ (1) ≥ 5 lần ☐ (2) 4 lần ☐ (3) 3 lần ☐ (4) 1-2 lần ☐ (5) 0 lần

B23. Ông/bà đánh giá thế nào về **thời gian của 1 đợt thanh tra, kiểm tra thực tế so với thời gian trong quyết định thanh tra, kiểm tra** do UBND cấp huyện/thành phố (đang đánh giá) ban hành?

☐ (1) Quá thời gian trong quyết định rất nhiều ngày
☐ (2) Quá thời gian trong quyết định một số ngày
☐ (3) Đúng theo thời gian trong quyết định
☐ (4) Ngắn hơn thời gian trong quyết định nhưng vẫn mất thời gian
☐ (5) Không mất nhiều thời gian

B24. Mức độ ảnh hưởng của các hoạt động thanh tra, kiểm tra DN/HTX/HKD của chính quyền huyện/thành phố?

☐ (1) Cản trở đáng kể tới SXKD ☐ (2) Chồng chéo, trùng lặp ☐(3) Bình thường ☐ (4) Tốt ☐ (5) Rất tốt

B25. Theo quan sát và kinh nghiệm của mình, ông/bà đánh giá **về tình trạng các cuộc thanh tra, kiểm tra của UBND huyện/thành phố tạo cơ hội cho cán bộ nhũng nhiễu DN/HTX/HKD?**

☐ (1) Luôn luôn ☐ (2) Đa số ☐(3) Thỉnh thoảng ☐ (4) Hiếm khi ☐ (5) Không bao giờ

3 - HIỆU LỰC THỰC THI VĂN BẢN CHÍNH SÁCH, THIẾT CHẾ PHÁP LÝ VÀ AN NINH TRẬT TỰ

B26. Ông bà đánh giá thế nào về **tính nhất quán trong việc thực thi văn bản chính sách pháp luật** của UBND huyện/thành phố (đang đánh giá) trong thời gian qua?

☐ (1) Rất kém ☐ (2) Kém ☐ (3) Bình thường ☐ (4) Tốt ☐ (5) Rất tốt

B27. Ông bà đánh giá thế nào về **hoạt động công khai, tuyên truyền, phổ biến các chính sách, văn bản pháp luật của UBND huyện/thành phố (đang đánh giá) trong thời gian qua?**

☐ (1) Không hiệu quả ☐ (2) Ít hiệu quả ☐ (3) Bình thường ☐ (4) Tương đối hiệu quả ☐ (5) Rất hiệu quả

B28-B30. Ông/bà vui lòng đánh giá các tiêu chí liên quan tới **giải quyết khiếu nại, tố cáo** của UBND cấp huyện/thành phố (đang đánh giá) theo tiêu chí sau:

Các tiêu chí	Rất kém ★	Kém ★★	Bình thường ★★★	Tốt ★★★★	Rất tốt ★★★★★
B28. Công tác hỗ trợ pháp lý cho DN/HTX/HKD khi họ có kiến nghị, khiếu nại, tố cáo hành vi vi phạm	☐	☐	☐	☐	☐
B29. Tính thỏa đáng khi giải quyết khiếu nại, tố cáo	☐	☐	☐	☐	☐
B30. Trình tự giải quyết khiếu nại, tố cáo	☐	☐	☐	☐	☐

B31. Ông/bà đánh giá thế nào về việc giải quyết các vụ việc liên quan tới an ninh, trật tự của các DN/HTX/HKD ở huyện/thành phố (đang đánh giá)?

☐ (1) Không xử lý ☐ (2) Chưa kịp thời, hiệu quả ☐ (3) Bình thường ☐ (4) Tương đối kịp thời, hiệu quả ☐ (5) Rất kịp thời, hiệu quả

B32. Ông/bà đánh giá thế nào về hiện tượng tội phạm quấy nhiễu DN/HTX/HKD tại địa phương?

☐ (1) Rất phổ biến ☐ (2) Khá phổ biến ☐ (3) Thỉnh thoảng ☐ (4) Hiếm khi xảy ra ☐ (5) Hoàn toàn không có

B33. Ông/bà đánh giá thế nào về hiện tượng phải chi trả tiền cho các nhóm đối tượng để được yên ổn làm ăn?

☐ (1) Rất phổ biến ☐ (2) Khá phổ biến ☐ (3) Thỉnh thoảng ☐ (4) Hiếm khi xảy ra ☐ (5) Hoàn toàn không có

4 - TIẾP CẬN ĐẤT ĐAI, QUY TRÌNH TTHC VỀ ĐẤT ĐAI

B34. Ông/ bà đánh giá thế nào về **mức độ khó khăn hoặc thuận lợi** để có được địa điểm sản xuất kinh doanh của DN/HTX/HKD tại huyện/thành phố (đang đánh giá)?

☐ (1) Vô cùng khó khăn ☐ (2) Khá khó khăn ☐ (3) Bình thường ☐ (4) Tương đối thuận lợi ☐ (5) Rất thuận lợi

B35. Rủi ro mặt bằng kinh doanh của DN/HTX/HKD bị đòi lại, thu hồi, giải tỏa có cao không?

☐ (1) Rất cao ☐ (2) Cao ☐ (3) Tương đối ☐ (4) Thấp ☐ (5) Rất thấp/ Không có

B36. Ông/bà đánh giá thế nào về **nỗ lực giải quyết các vướng mắc về đất đai gây bức xúc ở địa phương** của UBND cấp huyện/thành phố (đang đánh giá)?

☐ (1) Rất kém ☐ (2) Kém ☐ (3) Trung bình ☐ (4) Tốt ☐ (5) Rất tốt

B37-B40. Ông/bà đánh giá các tiêu chí sau liên quan tới **tiếp cận đất đai** tại địa phương (đang đánh giá):

Các nhận định	Rất kém ★	Kém ★★	Trung bình ★★★	Tốt ★★★★	Rất tốt ★★★★★
B37. Tính dễ dàng trong việc tiếp cận quỹ đất sạch tại địa phương	☐	☐	☐	☐	☐
B38. Thẩm định phương án bồi thường thỏa đáng	☐	☐	☐	☐	☐
B39. Việc xác minh nguồn gốc đất tại địa phương và giải quyết hồ sơ đất đai nhanh và đúng quy định	☐	☐	☐	☐	☐
B40. Giải phóng mặt bằng nhanh, đúng tiến độ	☐	☐	☐	☐	☐

5 - CẠNH TRANH BÌNH ĐẲNG VÀ ĐỐI XỬ CÔNG BẰNG

Cạnh tranh bình đẳng *được hiểu là không có sự phân biệt đối xử giữa các HKD với nhau (HKD lớn với HKD nhỏ, giữa HKD với HKD "thân hữu" với chính quyền), giữa HKD với DN/HTX và giữa các DN với nhau (giữa DN NN, DN FDI với DN thuộc khu vực tư nhân, giữa DN lớn và DN nhỏ, DN trong và ngoài tỉnh, giữa DN với DN "thân hữu" với chính quyền).*

B41-B44. Ông/bà vui lòng đánh giá các tiêu chí sau liên quan tới **CẠNH TRANH BÌNH ĐẲNG VÀ ĐỐI XỬ CÔNG BẰNG** của chính quyền cấp huyện/thành phố (đang đánh giá) theo tiêu chí sau:

Các tiêu chí	Rất kém ★	Kém ★★	Trung bình ★★★	Tốt ★★★★	Rất tốt ★★★★★
B41. Đánh giá tính bình đẳng trong tiếp cận các nguồn thông tin tổng hợp hỗ trợ hoạt động của DN, HTX, HKD	☐	☐	☐	☐	☐
B42. Đánh giá tính công bằng trong tiếp cận các nguồn lực nhà nước (phân bổ vốn, đấu thầu, đấu giá, đất đai, khoáng sản….)	☐	☐	☐	☐	☐
B43. Đánh giá tính công bằng trong việc giải quyết các TTHC, những kiến nghị khó khăn của DN, HTX, HKD	☐	☐	☐	☐	☐
B44. Đánh giá tình bình đẳng, không phân biệt đối xử trong hoạt động thanh tra, kiểm tra	☐	☐	☐	☐	☐

6 – TÍNH NĂNG ĐỘNG VÀ HIỆU LỰC CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG

B45-B448. Ông/bà vui lòng đánh giá **các tiêu chí sau liên quan tới tính năng động và hiệu lực của chính quyền huyện/thành phố (đang đánh giá):**

Tính năng động, sáng tạo của địa phương được hiểu trong bối cảnh triển khai các quyết định, chính sách, quy định của pháp luật và UBND tỉnh

Các tiêu chí	Rất kém ★	Kém ★★	Trung bình ★★★	Tốt ★★★★	Rất tốt ★★★★★
B45. Khi triển khai các văn bản quy định của nhà nước có vướng mắc, bất cập, UBND huyện/thành phố đã phản ánh với cấp có thẩm quyền để chỉnh sửa	☐	☐	☐	☐	☐
B46. UBND huyện/thành phố đã kịp thời giải quyết các quyết định/chủ trương của UBND tỉnh và cấp TW về việc giải quyết công việc cho DN/HTX/HKD	☐	☐	☐	☐	☐
B47. Không đùn đẩy trách nhiệm giữa UBND các huyện/thành phố hoặc lên cấp có thẩm quyền cao trong giải quyết các vấn đề liên quan cho DN/HTX/HKD	☐	☐	☐	☐	☐

B48. UBND huyện/thành phố đã tích cực trong việc giải quyết các vấn đề của DN/HTX/HKD nêu ra sau đối thoại ☐ ☐ ☐ ☐ ☐

7 – CHI PHÍ KHÔNG CHÍNH THỨC

B49. Ông/ bà đánh giá như thế nào về **mức độ phổ biến của chi phí không chính thức** *(chi phí lót tay, chi phí khác ngoài quy định của Nhà nước)* của DN/HTX/HKD tại địa phương thực hiện TTHC hoặc các công việc liên quan tại UBND huyện/thành phố (đang đánh giá)?

☐ (1) Rất phổ biến, gần như thành yêu cầu mặc định ngầm
☐ (2) Tương đối phổ biến
☐ (3) Có nhưng không tạo gánh nặng lớn cho DN/HTX/HKD
☐ (4) Vẫn còn một vài trường hợp, nhưng không đáng kể
☐ (5) Hoàn toàn không có chi phí không chính thức

B50. Ông/bà đánh giá thế nào về **mức chi cho chi phí không chính thức** mà 01 DN/HTX/HKD phải bỏ ra để **giải quyết TTHC hoặc các công việc liên quan**?

☐ (1) Là gánh nặng lớn cho DN/HTX/HKD mà vẫn không giải quyết được
☐ (2) Tạo gánh nặng nhưng công việc được giải quyết
☐ (3) Không phải gánh nặng lớn, ở mức chấp nhận được
☐ (4) Mức chi phí ở mức thấp
☐ (5) Gần như không phải chi hoặc hoàn toàn không có chi phí không chính thức

B51. Ông/bà đánh giá thế nào về việc DN/HTX/HKD **nếu chi trả chi phí không chính thức thì công việc thường được giải quyết hiệu quả tốt hơn?**

☐ (1) Không bao giờ được giải quyết hiệu quả ☐ (2) Chưa chắc được giải quyết hiệu quả ☐ (3) Được giải quyết tương đối ☐ (4) Thường hiệu quả hơn ☐ (5) Luôn luôn được giải quyết hiệu quả hơn

B52-B60. **<u>Mức độ phổ biến</u>** của các **khoản chi không chính thức** mà DN/HTX/HKD tại địa phương bỏ ra cho cán bộ chính quyền huyện/thành phố (đang đánh giá) trong các lĩnh vực sau:

Các lĩnh vực quản lý	Rất phổ biến ★	Tương đối ★★	Ít ★★★	Rất ít ★★★★	Không có ★★★★★
B52. Đăng ký kinh doanh	☐	☐	☐	☐	☐
B53. Thuế	☐	☐	☐	☐	☐
B54. Đất đai - địa chính	☐	☐	☐	☐	☐
B55. Xây dựng	☐	☐	☐	☐	☐
B56. Công thương	☐	☐	☐	☐	☐
B57. Nông nghiệp	☐	☐	☐	☐	☐
B58. Tài nguyên, môi trường	☐	☐	☐	☐	☐
B59. Văn hóa - thể thao - du lịch	☐	☐	☐	☐	☐
B60. Giao thông – vận tải	☐	☐	☐	☐	☐

B61. Theo ông/bà, **xu thế tăng/giảm chung về chi phí không chính thức phải chi trả** khi thực hiện các TTHC hoặc các công việc liên quan tại địa phương có thay đổi như thế nào trong năm vừa qua?

☐ (1) Tăng lên nhiều và trở nên phổ biến hơn
☐ (2) Có xu thế tăng lên nhẹ
☐ (3) Chi phí không thay đổi
☐ (4) Giảm nhẹ
☐ (5) Giảm đáng kể và trở nên ít phổ biến hơn hoặc hoàn toàn không có chi phí không chính thức như hiện tại

8 - TÍNH MINH BẠCH VÀ TIẾP CẬN THÔNG TIN

B62-B66. Ông/ bà hãy đánh giá **<u>mức độ dễ dàng khi tiếp cận</u>** với các thông tin sau ở huyện/thành phố (đang được đánh giá):

Các thông tin	Không thể ★	Hạn chế ★★	Bình thường ★★★	Tương đối dễ ★★★★	Rất dễ ★★★★★
B62. Văn bản quy phạm pháp luật; hướng dẫn thực hiện TTHC; cơ chế chính sách mới	☐	☐	☐	☐	☐
B63. Thông tin các quy hoạch (xây dựng, đất đai, giao thông….)	☐	☐	☐	☐	☐
B64. Kế hoạch sử dụng đất, thông báo địa điểm thu hồi đất và phương án bồi thường GPMB	☐	☐	☐	☐	☐
B65. Dự án, hạng mục đầu tư, đấu thầu, mua sắm công do huyện/thành phố quản lý	☐	☐	☐	☐	☐
B66. Ngân sách, đặc biệt là các khoản đóng góp của DN/HTX/HKD	☐	☐	☐	☐	☐

B67-B73. Ông/bà vui lòng đánh giá chính quyền địa phương được đánh giá theo các tiêu chí sau:

Các tiêu chí	Rất kém ★	Kém ★★	Bình thường ★★★	Tốt ★★★★	Rất tốt ★★★★★
B67. Tính dễ dàng khi tiếp cận các VBQPPL, hướng dẫn thực hiện kịp thời TTHC, cơ chế chính sách mới	☐	☐	☐	☐	☐
B68. Tính kịp thời, đầy đủ chính xác khi cung cấp thông tin theo yêu cầu của DN, HTX, HKD	☐	☐	☐	☐	☐
B69. Tính rõ ràng, minh bạch của TTHC (gồm thủ tục và quy trình, phí và lệ phí) ở UBND huyện/thành phố	☐	☐	☐	☐	☐
B70. Đánh giá tính hiệu quả của việc sử dụng các thông tin được niêm yết hoặc được cung cấp theo yêu cầu của DN, HTX, HKD	☐	☐	☐	☐	☐
B71. Mức độ ứng dụng CNTT trong việc công khai thông tin và thực hiện TTHC	☐	☐	☐	☐	☐
B72. Hỏi-đáp trực tuyến trên trang web và công khai kết quả tham vấn, trả lời thắc mắc/ ý kiến của các DN/HTX/HKD	☐	☐	☐	☐	☐
B73. Sự khuyến khích DN/HTX/HKD ứng dụng CNTT, thực hiện dịch vụ công trực tuyến trong quản lý, điều hành trong bối cảnh thực hiện chuyển đổi số DN	☐	☐	☐	☐	☐

9- HỖ TRỢ SẢN XUẤT KINH DOANH

B74. Ông/bà đánh giá thế nào về cung cấp thông tin triển khai các chương trình, chính sách (của TW và tỉnh) dành riêng cho hỗ trợ các DN/HTX/HKD của huyện/thành phố?

☐ (1) Rất kém ☐ (2) Kém ☐ (3) Trung bình ☐ (4) Tốt ☐ (5) Rất tốt

B75. Trong năm vừa qua, ông/bà có hay được mời/thông báo **tham gia các chương trình hỗ trợ DN/HTX/HKD (khóa đào tạo, tập huấn, phổ biến chủ trương, chính sách vay vốn, nước sạch, nông thôn mới...)** do huyện/thành phố tổ chức?

☐ (1) Không được mời ☐ (2) Hiếm khi ☐ (3) Thỉnh thoảng ☐ (4) Thường xuyên ☐ (5) Luôn luôn

B76-B82. Theo quan sát và kinh nghiệm, ông/bà đánh giá thế nào về **THIẾT KẾ VÀ HIỆU QUẢ THỰC HIỆN** của các chương trình hỗ trợ sản xuất kinh doanh sau của huyện/thành phố:

Các chương trình	Rất kém ★	Kém ★★	Bình thường ★★★	Tốt ★★★★	Rất tốt ★★★★★
B76. Hỗ trợ khởi sự kinh doanh	☐	☐	☐	☐	☐
B77. Xúc tiến thương mại, hỗ trợ liên kết, kết nối cung cầu, hỗ trợ tìm kiếm thị trường tiêu thụ, quảng bá sản phẩm	☐	☐	☐	☐	☐
B78. Hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp và giới thiệu việc làm cho người lao động trên địa bàn	☐	☐	☐	☐	☐
B79. Hỗ trợ về vốn vay ưu đãi, tín dụng sản xuất kinh doanh	☐	☐	☐	☐	☐
B80. Công tác thi đua, khen thưởng đối với các DN/HTX/HKD có đóng góp cho xã hội, cộng đồng	☐	☐	☐	☐	☐
B81. Hỗ trợ các DN/HTX/HKD trong các trường hợp chịu ảnh hưởng biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh	☐	☐	☐	☐	☐
B82. Hỗ trợ DNVVN, DN do phụ nữ, nhóm người yếu thế làm chủ sản xuất kinh doanh, HTX và HKD	☐	☐	☐	☐	☐

10 - VAI TRÒ CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU

B83-B88. Theo quan sát từ cộng đồng và cảm nhận của mình về **công tác điều hành của lãnh đạo chính quyền cấp huyện/thành phố đang đánh giá,** ông/bà đánh giá thế nào về các tiêu chí sau:

Các nhận định	Rất kém ★	Kém ★★	Bình thường ★★★	Tốt ★★★★	Rất tốt ★★★★★
B83. Năng lực điều hành trong thực thi công vụ và trong cải cách hành chính	☐	☐	☐	☐	☐
B84. Tính quyết liệt trong chỉ đạo điều hành, nghiêm túc thực hiện kỷ luật hành chính, thực thi công vụ (công tâm, khách quan)	☐	☐	☐	☐	☐
B85. Tinh thần dám quyết dám làm và dám chịu trách nhiệm trong việc thực thi các quy định, chính sách và giải quyết các vấn đề phát sinh khách quan	☐	☐	☐	☐	☐
B86. Việc giám sát và kịp thời xử lý những hành vi nhũng nhiễu, tiêu cực khi có phản ánh, tố cáo	☐	☐	☐	☐	☐
B87. Việc thường xuyên tiếp xúc, tiếp thu ý kiến và giải quyết nhanh chóng, triệt để các nội dung các cơ sở đề xuất, kiến nghị của DN/HTX/HKD	☐	☐	☐	☐	☐
B88. Tích cực và trực tiếp tham gia các hoạt động đối thoại với DN/HTX/HKD và thực hiện các cam kết đầy đủ và nghiêm túc	☐	☐	☐	☐	☐

B89. Ông/bà đánh giá thế nào về hiện tượng **"Trên nóng dưới lạnh"** hay **"Trên bảo dưới không nghe"** tại huyện/thành phố đang đánh giá?

☐ (1) Rất phổ biến ☐ (2) Khá phổ biến ☐ (3) Vẫn xảy ra ☐ (4) Gần như không có ☐ (5) Hoàn toàn không xảy ra

B90. Ông/bà đánh giá thế nào về hiện tượng **những nhiễu và gây khó khăn** cho DN/HTX/HKD của lãnh đạo tại huyện/thành phố?

☐ (1) Rất phổ biến ☐ (2) Khá phổ biến ☐ (3) Vẫn xảy ra ☐ (4) Gần như không có ☐ (5) Hoàn toàn không xảy ra

C- Ý KIẾN ĐÓNG GÓP

C1. Ông/bà vui lòng cho biết **bộ phận, phòng, ban nào thuộc UBND huyện/thành phố còn nhiều yếu kém, cần cải thiện chất lượng phục vụ và điều hành kinh tế** trong thời gian tới? *(Nêu cụ thể tên phòng, bộ phận và hạn chế yếu kém cần khắc phục)*

.....
.....
.....
.....
.....

C2. Các **vấn đề khác hoặc đề xuất giải pháp** mà ông/bà muốn phản ánh về chất lượng điều hành và phục vụ của UBND huyện/thành phố này?

.....
.....
.....
.....
.....